

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Thừa;

2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/03/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1996; thường trú: Ấp N, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: A, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Tấn D, sinh năm: 1995; thường trú: Số A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Cao Tấn D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, cấp ngày 18/3/2022. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, tính tình không hợp nhau nên thường

xuân xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay bà Nguyễn Thị Thủy T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Cao Tấn D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thủy T xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/4/2020 và Cao Nguyễn Khôi N1, sinh ngày 22/10/2022. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Cao Tấn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Tấn D đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Cao Tấn D đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Cao Tấn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, cấp ngày 18/3/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Thủy T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã và hiện đã sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài mà không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Cao Tấn D. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều

kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà T xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông D đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Cao Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/4/2020 và Cao Nguyễn Khôi N1, sinh ngày 22/10/2022. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông D được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Các cháu hiện nay còn nhỏ và từ trước đến nay đều sống cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu N và cháu N1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu ông Cao Tấn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị Thủy T đối với ông Cao Tấn D.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thủy T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5 Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thủy T đối với ông Cao Tấn D về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Cao Tấn D. (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, do Ủy ban nhân dân xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/3/2022).

- Về con chung: Buộc ông Cao Tấn D giao 02 (hai) con chung Cao Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/4/2020 và Cao Nguyễn Khôi N1, sinh ngày 22/10/2022 cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu ông Cao Tấn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007861 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T và bị đơn ông Cao Tấn D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân

